

Bản án số: 10/2026/HSST.
Ngày: 09/02/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Ngoãn.

Bà Võ Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Thê Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2026/HSST, ngày 12 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/QĐXXST-HS, ngày 23/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cước công dân số: 038094023767; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 01. Ngày 11/5/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, theo Bản án số 29/2018/HS-ST.

- Nhân thân:

+ Ngày 20/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù về Tội cướp tài sản; ngày 06/02/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử y án.

+ Ngày 08/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/12/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 28/9/2025, ngày 20/11/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H khởi tố vụ án, khởi tố bị can về Tội trộm cắp tài sản. Hiện đang trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2025 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Xuân L, sinh năm 1995, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Căn cước công dân số: 070095004108; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T1. Bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền sự, Tiền án: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 27/11/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 12/8/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về Tội trộm cắp tài sản; Ngày 31/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 12/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 27/6/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Ngày 04/9/2025, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ lập hồ sơ tin báo tố giác về tội phạm (hiện vụ việc đang tạm đình chỉ).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2025 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Đặng Đình V, sinh năm 1974. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn D rủ Nguyễn Xuân L đến xã B, tỉnh Đồng Nai trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 06/10/2025, D điều khiển xe mô tô biển số 93Y1-059.86 (mượn của bà Nguyễn Thị H) chở L đến khu vực thôn H, xã B thấy 01 xe mô tô biển số 93L1-616.6 của ông Đặng Đình V ở trước nhà có sẵn chìa khóa, trên xe có 01 bình xịt thuốc cỏ. D dừng xe ở bên ngoài cảnh giới, còn L đi bộ đến bật khóa điện nổ máy điều khiển xe của ông V nêu trên chạy ra ngoài đường và cùng với D đi đến nhà của anh Nguyễn M (là anh rể của D) thuộc thôn H, xã B. Tại đây, D tháo biển số xe 93L1-616.62 bỏ làm 02 mảnh mang đi đốt. Sau đó D điều khiển xe mô tô biển số 93Y1-059.86, còn L điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi đến

khu vực cầu B thuộc khu vực xã P, tỉnh Đồng Nai bán cho một người đàn ông tên M1 (không rõ nhân thân, lý lịch) được 7.000.000 đồng. Số tiền bán được xe thì D và L chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Đặng Đình V đã đến Công an xã B trình báo tố giác nguồn tin về tội phạm. D và L phát hiện Công an xã đi tuần tra xung quanh tại khu vực nhà của anh Nguyễn M nên biết không thể trốn tránh nên ngày 07/10/2025, D và L đến Công an xã B thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐG ngày 13/10/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xã B kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha biển số 9311-616.62 có giá trị là 12.500.000 đồng.

- 01 bình xịt thuốc có màu xanh, nhãn hiệu Z-KUBOTA loại 20L có giá trị là 900.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp 13.400.000 đồng.

Tại cáo trạng số 01/CT – VKS, ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai truy tố các bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân L phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại được bồi thường tài sản bị mất không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 quần và 01 áo.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Không ai có ý kiến về tội danh, mức hình phạt, kết luận giám định, vật chứng thu giữ.

Quá trình điều tra bị hại không có ý kiến về tội danh, vật chứng thu giữ, đã được bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đ, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và xác định tội danh đối với các bị cáo:

Căn cứ lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 06/10/2025, Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số: 93L1-616.6 trên xe có 01 bình xịt thuốc cỏ, hiệu Z - KUBOTA loại 20L của ông Đặng Đình V. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo D là người khởi xướng đóng vai trò tích cực khi chuẩn bị phương tiện và trực tiếp chở L đi thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo L trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về hành vi đã gây ra.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Các bị cáo tự nguyện ra đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án kết án về các tội liên quan đến chiếm đoạt tài sản của người khác, đã bị tạm giam trong thời gian dài; bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính; hiện nay còn vụ việc phạm tội cũng đang trong giai đoạn điều tra. Như vậy, thể hiện các bị cáo là người có nhân thân xấu, xem thường pháp luật.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Cụ thể cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian suy ngẫm, tự cải tạo mình để trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của điều luật bị truy tố, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, nhận thấy các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại cho các chủ sở hữu 01 bình thuốc xịt cỏ, 01 biển số: 93L1-616.62 cho ông Đặng Đình V; 01 xe mô tô biển số: 93Y1- 059.86 cho bà Nguyễn Thị H. Xét thấy việc trả lại tài sản là đúng quy định nên không xem xét giải quyết thêm.

Đối với 01 quần short màu xám, 01 áo thun màu đen của bị cáo D thực hiện trong quá trình phạm tội, hiện nay giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ việc bị hại đã được bồi thường không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân L phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2025.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần short Jean màu xám và 01 áo thun màu đen

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/01/2026, phiếu nhập: NK26/07- KV ngày 16/01/2026).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND tỉnh Đồng Nai.
 - Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
 - Công an tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND Khu vực A;
 - THADS tỉnh Đồng Nai;
 - Người tham gia tố tụng;
 - Lưu HS – VP – HSTHA
- (Số lượng: 16 bản).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình